

VĂN CÚ KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

QUYỂN 7

(Phần Hạ)

Phẩm Thứ 7: HÓA THÀNH DỤ

“Hóa”: Là do thần lực tạo tác. Dùng thần lực, cho nên không có mà chợt có gọi là “Hóa”. Ngăn ngừa điều quấy, chế ngự địch, gọi là “Thành”. Nội hợp: Niết-bàn của Nhị thừa là quyền trí tạo tác, do sức quyền trí, không mà nói có, dùng giáo làm hóa, ngăn ngừa Tư hoặc, chế ngự Kiến hoặc, gọi là Niết-bàn. Tô tức dẫn nhập thực, chưa rõ ráo mà nói là diệt độ, quyền giả thi thiết cho nên nói “Hóa thành”, dụ như trước nói, đây là giải thích theo Nhân duyên.

Căn cứ về giáo: nếu nghĩa Tam tạng thì nơi Niết-bàn sinh an ổn tưởng, sinh diệt độ tướng, nếu Thông giáo thì nhị thừa cùng Tam tạng đồng, Bồ-tát không như vậy.. Thích Luận nói: “Như cha vượt qua đường nguy hiểm một chân đã vào thành, một chân còn lại ngoài cửa, do nhớ vợ con cho nên từ thành mà vào đường hiểm, thế nguyện giúp đỡ các tập khí còn sót lại cho nên vào đường sinh tử mà không lấy Không làm chứng. Biệt giáo thì không nói thành như biến hóa, dùng thành ngăn sự nguy hiểm. Từ cửa thành thẳng qua, dùng thành làm phương tiện đoạn trừ Kiến Tư hoặc, không nói đây là tội cùng. Viên giáo thì biết không có giặc cũng không cần thành, cho nên nói “Hóa thành”. Nay là ý của Viên giáo. Cho nên, đầu đề gọi là “Phẩm Hóa thành Dụ”. Bản tích quán tâm không chép.

Hỏi: Phẩm này nói sự nhân duyên hàng hạ căn đợc ngộ, lẽ ra nên gọi là phẩm Túc Thế (đời trước) chứ?

Đáp: Đầu phẩm nói rộng về nhân duyên, cuối phẩm thì kết, nêu thí dụ Hóa thành. Nếu theo trước thì nên gọi là Túc Thế, vì kinh theo sau, cho nên gọi là Hóa thành.

Lại hàng thượng căn thì nghi mỏng, chỉ lấy việc “Phật ngồi dưới gốc cây ba tuần tư duy” để nêu rõ cơ duyên. Hàng trung căn thì nghi

nặng hơn, cho nên dùng thêm thí dụ, dò lấy “đạo Vô thượng mà hai vạn ức Phật giáo hóa” để làm cơ duyên. Hàng hạ căn thì nghi lại càng sâu dày cho nên nêu “cơ duyên lâu xa từ đời trước”. Nếu bắt đầu từ đời trước thì nói nhân duyên lâu xa, ở thời trung gian thì nói Hóa Thành, nêu cứu cánh thì nói Bảo sở. Các Kinh gia ở Khoảng giữa nêu tên phẩm, để thuận tiện thu tóm từ đầu đến cuối. Cho nên, nói “phẩm Hóa thành”.

Hỏi: Hóa thành là quyền, bảo sở là thật, vì sao bỏ thật theo Quyền?

Đáp: Do biết Thành là biến hóa, thì biết Bảo sở là thật, cho nên nêu lên hóa mà không mất thật.

Đây là đoạn văn kinh gồm ba phẩm, theo trước lẽ ra có bốn, nhưng lãnh giải thuật thành đều ở đoạn thọ ký. Vì sao? Vì nếu không lãnh giải, thì sao được thọ ký thuật thành, cho nên nói thọ ký gồm được hai ý. Lại, lãnh giải thuật thành được thọ ký, hoặc trước sau không định. Lãnh giải thì hoặc là im lặng nhớ nghĩ hoặc là phát ra lời nói, không đồng. Văn kia lại ít, không đủ phân chia phẩm, chỉ nhập trong đoạn khác. Phẩm này chính thuyết nhân duyên, hai phẩm sau thọ ký.

- Ban đầu lại chia làm hai:

1. Nêu thấy biết lâu xa.

2. Nêu đời trước kết duyên. Đức Như Lai tam đạt, thấu suốt rất lâu xa rõ ràng như ngày nay, dẫn việc đã qua để quyết định không hư dối, rồi sau thuyết cuộc sống đời trước. Hai phần này đều có văn trường hàng và kệ tụng.

- Phần một: Trường hàng có ba:

1. Nêu ra những việc đã thấy, tức là nước tên Hảo Thành, kiếp tền Đại Tướng, đức Phật hiệu Đại Thông Trí Thắng.

2. Nêu thí dụ để rõ lâu xa.

3. Tổng kết, thấy xưa như nay. Kệ có bảy hàng, tụng ba nghĩa trước, như văn.

- Phần hai: Từ “Đức Phật thọ năm trăm bốn mươi vạn ức” trở xuống: chánh nêu kết duyên. Văn lại chia làm hai phần:

1. Nguyên do kết duyên.

2. Chánh kết duyên.

- Trong nguyên do lại có hai: Nguyên do xa, nguyên do gần. Nguyên do xa lại có hai:

1. Đại Thông Trí Thắng Phật thành đạo.

2. Phạm thiên khắp mười phương thỉnh pháp.

- Phần Đức Phật thành đạo chia làm năm:

1. Phật thọ mạng lâu xa.

2. Từ “Đức Phật đó khi trước lúc ngồi đạo tràng” trở xuống: Việc trước khi thành đạo. Chư Phật đạo đồng, vì duyên sự mà có khác. Đức Thích-ca sáu năm ngồi khổ hạnh, cỏ mọc từ đầu gối đến khuỷu tay không biết, chư thiên kêu khóc, đất chấn động mà không nghe, dời đổi chỗ ngồi rồi đắc đạo. Đức Di-lặc ngay trong ngày xuất gia thì đắc đạo. Đức Phật kia ngồi mười tiểu kiếp mà Phật pháp vẫn không hiện tiền, chẳng phải căn có lợi độn, đạo có khó dễ, mà chỉ vì duyên thích nghi quá thúc hối nên thị hiện có dài ngắn.

3. Từ “Các Tỳ-kheo! Đức Phật Đại Thông Trí Thắng quá mười tiểu kiếp” trở xuống: nêu chánh thành đạo.

4. Từ “Lúc đức Phật chưa xuất gia” trở xuống: nêu sau khi thành đạo quyến thuộc cúng dường.

5. Từ “Bấy giờ mười sáu vị vương tử nói kệ khen” trở xuống: nêu thỉnh chuyển Pháp luân.

Phần một, văn kinh dễ hiểu. Phần hai: những việc trước Phật thành đạo, có hai: 1. Phật ngồi đạo tràng trải qua thời tiết. 2. Chư thiên cúng dường.

Phần thứ hai (của Nguyên do xa) Từ “Đức Phật bảo các Tỳ-kheo... đặng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác” trở xuống: Các Phạm thiên thỉnh, chia làm hai:

1. Uy quang soi khắp, sáu diệu chấn động.

2. Các Phạm thiên trong mười phương thỉnh.

Uy quang: Kinh Quá Khứ Nhân Quả nói: “Lúc Thái tử Tất-đạt còn ở trong thai thì ba ngàn cõi nước hào quang lớn sáng chói, “chỗ tối tăm ánh sáng nhật nguyệt không soi tới được mà đều sáng rực, chúng sinh trong đó đều được thấy nhau”. Lúc mới thành đạo cũng như vậy. Sáng sớm vì các vị trời cõi Sắc, giữa ngày vì trời cõi Dục, chiều tối vì quỷ thần mà thuyết pháp, đêm cũng như vậy. Quán giải “bổn sinh ra chúng sinh”: tâm tánh vốn tịnh do ấm nhập giới che lấp nên tối tăm. Nếu tu quán Tuệ, thì lý bản tánh hiển bày. Lại hai núi là Nhị đế, trung gian là trung đạo. “Ánh sáng nhật nguyệt” là nhị trí, hào quang Phật là trung đạo, là ánh sáng vô phân biệt trí, chiếu soi Tam đế vốn có thấu suốt.

Từ “Bấy giờ phương Đông” trở xuống: Các Phạm thiên trong mười phương thỉnh. Văn chia làm hai: Trước chín phương, sau thượng phương. Chín phương chia làm bốn: 1. Đông. 2. Đông nam. 3. Nam. 4. Tổng nêu sáu phương.

- Ba phương trước, văn nói mỗi phương đều có bảy ý:

1. Thấy điềm lành.
2. Kinh hãi.
3. Hỏi nhau để quyết nghị.
4. Dựa vào hào quang tìm thấy Phật.
5. Tam nghiệp cúng dường.
6. Tỉnh pháp.

7. Im lặng hứa khả, đều như văn. Phương thượng, thì văn chỉ nêu có sáu ý, sau khi các Phạm thiên thỉnh thì Đức Thế Tôn liền thuyết, cho nên không có “Im lặng hứa khả”. Xưa nói: Đông, Đông nam thỉnh Tiểu thừa, bảy phương kia thỉnh Đại thừa, thượng phương thỉnh Tiểu và Đại. Thích luận nói các Phạm thiên thỉnh Đại, đức Phật tuy thuyết Tiểu chưa thỏa mãn sở thỉnh, nếu thuyết Bát-nhã cũng đáp ứng được nguyện thỉnh của Phạm thiên. Nếu y theo văn Phẩm Phương Tiện, thì Phạm Vương thỉnh Đại; nhưng Phật pháp đạo đồng không nên có thiên vị thỉnh, chỉ vì các kinh luận còn tóm lược nên các sư căn cứ thiên lệch. Lại, như nay đức Phật từ đầu đến cuối chuyển pháp luân đủ ngũ vị, nhất nhất đều đáp ứng được điều Phạm thiên thỉnh. Kia cũng nên như vậy.

Ban đầu mười sáu vị vương tử thỉnh chuyển “mãn” giáo, như nay Phật thuyết Kinh Hoa Nghiêm. Hai phương Đông và Đông nam, thỉnh chuyển “bán” giáo, như nay Phật thuyết Tam tạng. Bảy phương sau thỉnh chuyển đối “bán” nêu “mãn”, như nay Phật thuyết Phương Đẳng. Thượng phương Phạm thiên thỉnh mang “bán” nêu “mãn”, như nay Phật thuyết Bát-nhã. Sau mười sáu vị vương tử thỉnh phế “bán” nêu “mãn”, như nay Phật thuyết Pháp Hoa Đề-hồ giáo. Xưa nay tiết mục văn nghĩa tương ứng.

Từ “Lúc bấy giờ đức Đại Thông Trí Thắng Như Lai nhận lời thỉnh” trở xuống: kết duyên, nguyên do gần: Do Phật nhận lời thỉnh thuyết pháp, cho nên sau được giảng giải chính làm kết duyên. Văn chia làm hai phần:

1. Chuyển “bán tự” pháp luân.

2. Các con thỉnh chuyển “phế bán nêu mãn” pháp luân. Phần Chuyển “bán tự” chia làm ba: a) Thọ thỉnh. b) Chánh chuyển. c) Nghe pháp đặc đạo. Trong đây, lẽ ra thuyết tam thừa như văn phẩm Tựa, mà nay không thuyết, chính vì hàng hạ căn, luận về kết duyên khai hiển... lược không nói lục độ. Tam chuyển: Nghĩa là thị chuyển, khuyến chuyển, chứng chuyển. Cũng đem tam phen chuyển đối thị giáo lợi hỷ. Thị tức Thị chuyển, giáo tức Khuyến chuyển, lợi hỷ tức Chứng chuyển.

Cũng đối Kiến đế Tư duy Vô học. Vì hàng Thanh văn mà tam chuyển, vì Duyên giác mà nhị chuyển, vì Bồ-tát mà nhất chuyển. Vì sao? Vì căn có lợi độn. Đây đã một lần nói rồi vậy. Chung ở các phương như tam chuyển. Vì sao? Vì chư Phật nói pháp pháp cho đến ba phen, vì chúng sinh có ba loại căn. Đại luận và Tì-Bà-Sa đều nói như vậy.

Hỏi: Ban đầu vì năm người, vì sao nói vì ba loại căn? Lại có tám vạn chư thiên vì sao không có ba căn?

Đáp: Vì chúng sinh có đủ ba huệ ba căn ba đường.

- Mười hai hành:

1. Căn cứ giáo Tứ đế.

2. Căn cứ mười sáu hành.

Giáo mười hai: Tức thị chuyển, khuyến chuyển, chứng chuyển. Hành mười hai: ba phen chuyển đều sinh nhãn trí minh, giác. Lại, giáo mười hai là Năng chuyển, Hành mười hai là Sở chuyển. Mười hai hành là luân, mười hai giáo là phi luân. Nếu làm thành nghĩa nhị luân, thì nhãn trí minh giác tức là căn cứ bốn mươi tám pháp, khai bốn tâm này thành mười sáu tâm, nghĩa là Khổ pháp nhãn làm “nhãn”, Khổ pháp trí làm “trí”, Tỷ nhãn làm “minh”, Tỷ trí làm “giác”. Ba đế còn lại cũng như vậy, cho nên thành mười sáu tâm. Người thuộc ba loại căn đều đắc mười sáu tâm, cho nên thành bốn mươi tám hành. Mười hai đế là giáo pháp luân, mười hai hành là hành pháp luân. Giáo luân thì năng chuyển, chỉ là một Quyền trí, sở chuyển thì có mười hai giáo. Nếu hành pháp luân, thì giáo năng chuyển có mười hai, hành sở chuyển cũng có mười hai. Hoặc là chung ba người, hoặc là căn cứ một người. Nay căn cứ ba hạng người ở giai vị Kiến đế đạo, đều lợi căn nghe Thị chuyển, tức sinh nhãn trí minh giác, ba người hợp nêu, cho nên nói mười hai hành. Còn người không thể chuyển, ấy là Sa-môn không nghe, còn không biết, huống chi năng chuyển. Bích-chi-phật tuy ngộ, nhưng miệng không thể thuyết pháp. Bà-la-môn tuy nghe tên pháp mà không hiểu lý. Ma, Phạm cũng như vậy. Xét rằng chuyển tức chuyển pháp này độ nhập tâm người khác, khiến cho họ được ngộ, phá sáu mươi hai kiến mới gọi là “chuyển pháp luân”. Vì không có nghĩa này, cho nên Ma, Phạm v.v... không thể chuyển. Có người giải thích: Đại thừa Tứ đế, tiếp chuyển nhị đế, tiếp chuyển nhất đế, tiếp chuyển vô đế, đều là ý thu hẹp hay mở rộng tùy cơ duyên. Tiểu thừa Tứ đế lấy sinh diệt làm thể, Đại thừa thì lấy vô sinh làm thể.

Mười hai nhân duyên: Lại là biệt tướng tế quán tứ đế. Căn cứ Khổ Tập, tức có Vô minh, Lão tử. Căn cứ Đạo Diệt, tức có Vô minh diệt cho

đến Lão tử diệt. Lại ba người chung quán mười hai duyên: Nhị thừa thì quán mười hai duyên sinh diệt. Bồ-tát thì quán mười hai nhân duyên không sinh. Mười hai duyên không sinh: xưa không sinh nay không diệt, tương sinh thì tương sinh truyền dẫn diệt.

Lại, Tam thừa cũng cùng luận về Tứ đế, Nhị thừa thì hữu lượng tứ đế, Bồ-tát thì vô lượng tứ đế. Lại, lục độ cũng chung cả tam thừa (ba hạng người).

Kinh Đại Phẩm, phẩm Phát Thú nói: “A-la-hán, Bích-chi-phật do tu sáu Ba-la-mật mà đạt đến bờ bên kia”. Nhiếp Đại Thừa nói: “Phàm phu, Nhị thừa đều có lục độ nhưng không đồng đó thôi”! Nếu vậy lẽ ra đều gọi là Ba-la-mật, nhưng Nhị thừa tu hành đạt đến bờ Niết-bàn bên kia cũng gọi là Ba-la-mật, chỉ vì không thể đạt đến bờ Phật quả bên kia, so với Bồ-tát có khác. Luận A-Tỳ-Đàm nói: “Có lục túc, tức lục độ”. Kinh Bảo Vân nêu, tam thừa Tỳ ni..

Phần ba: Nghe pháp đắc ngộ. Ban đầu ít, giữa nhiều. “Không thọ” là không thọ tứ kiến, ngộ sơ quả vậy. “Đắc giải thoát” là thoát “tử quả” hai thứ trói buộc (Tử quả: phiền não như chủng tử. Khổ báo do phiền não sinh ra như quả.), là đắc vô học “Thiền định sâu mầu” tức là câu giải thoát..

Từ “Lúc bấy giờ mười sáu vị vương tử đều là đồng tử xuất gia” trở xuống: thỉnh “mãn tự” pháp luân, Văn chia làm bảy:

1. Xuất gia.
2. Thỉnh pháp.
3. Những người đến thấy cũng xuất gia.
4. Phật nhận lời thỉnh.
5. Lúc đó trong chúng có người hiểu, có người không hiểu.
6. Thời tiết.
7. Phật nói kinh xong thì nhập định.

“Các căn” là sáu căn. Sáu căn thanh tịnh, cho nên nói “thông lợi”. Lại, sáu căn hỗ dụng nên nói “thông”. Nhập cảnh giới Phật, cho nên nói “lợi”. “Trí tuệ minh liễu”: là khai thị ngộ nhập. Đức Phật kia ban đầu thuyết viên đốn, công đức đại thừa của các con thấy đều đầy đủ, thương xót các phương tiện lại thỉnh Phật khai quyền hiển thật. “Hàng Thanh văn đều đã thành tự”: nêu kia chướng đã trừ, căn cơ chuyển động, vì vậy cho nên gọi “thỉnh”. “Chúng con có chí mong được tri kiến Như Lai”: kinh Pháp Hoa này chỉ nêu tri kiến Phật, chí chỉ cầu nơi đây, tức vẫn nói “thỉnh mãn tự, phước bỏ bán tự” nên hiển rõ như đây.

“Trải qua hai vạn kiếp”: trên khai tam đã lâu, không chấp nhận

trung gian vô sự, hưởng xuống ý văn dưới: trong hai vạn kiếp, ắt thuyết Phương Đăng Bát-nhã. Văn nói: Thuyết lục Ba-la-mật và các việc thần thông. Bát-nhã là hạnh, thần thông là sự. Các kinh Phương Đăng phần nhiều nêu sự hạnh bất khả tư nghì. Trong văn tụng nói: “Phân biệt pháp chân thật”, tức là “Thật tướng Bát-nhã” trong kinh Đại phẩm. Mười sáu vị Sa-di tin thọ và hàng nhị thừa thì tin được hiểu. Ngoài ra ngàn vạn người kia đều sinh nghi hoặc, đó là chúng không hiểu. Chúng không hiểu này, thì kết duyên Pháp Hoa với mười sáu người con.

Đức Phật thuyết pháp xong thì nhập định, chính là kết duyên, là nguyên do gần. Do Phật nhập định, không xuất định, cho nên các nghi hoặc chúng không thể hỏi. Mười sáu vị Bồ-tát Sa-di về sau vì những người không hiểu nên lại giảng thuyết kinh. Trong văn nêu nơi chốn nhập định tức là “Tịnh thất”, chánh nhập định tức là “trụ thiền định”, thời gian nhập định tức là “tám vạn bốn ngàn kiếp”.

“Bấy giờ mười sáu vị Bồ-tát Sa-di biết Phật nhập thất” trở xuống, là phần hai: Chánh kết duyên. Văn đây có hai:

1. Pháp thuyết kết duyên.
2. Thí thuyết kết duyên.

Pháp thuyết có ba: a) Xưa cùng kết duyên. b) Trung gian thường gặp nhau. c) Nay lại thuyết kinh Pháp Hoa.

- Phần Xưa kết duyên có bốn phần:

- a.1) Biết Phật nhập định.
- a.2) Vương tử lại giảng.
- a.3) Chúng được lợi ích.
- a.4) Đức Phật từ định ra khen ngợi Bồ-tát.

Do Phật nhập định nên được thuyết. Đức Phật biết một phen hóa độ sắp xong không thể có người để điều phục nữa ở giai đoạn này, cho nên khiến vương tử cùng họ kết duyên. Lại biết các chúng sinh này đều do vương tử mà được độ cứu kính, do đó Phật nhập định lâu mà không ra. Từ “Mười sáu vị Bồ-tát Sa-di” trở xuống là phần một: Biết Phật nhập định. Từ “Mỗi vị đều thăng pháp tòa” trở xuống là phần hai: Lại giảng kinh Pháp Hoa. Từ “Mỗi vị đều độ” trở xuống là phần ba: Chúng được lợi ích, đều phát Bồ-đề tâm cho nên nói “độ”. Nếu ban đầu phát tâm thệ nguyện làm Phật, thì đã vượt qua thế gian, tức vượt qua bảy phương tiện đến bờ bên kia. Từ “Đức Đại Thông Trí Thắng Phật qua tám vạn bốn ngàn kiếp” trở xuống là phần bốn: Phật từ định ra khen ngợi khuyến tin. Trong đây lại có hai: 1. Chánh xưng tán Bồ-tát. 2. Từ “Các ông phải luôn luôn gần” trở xuống: Khuyến nên gần. Trong phần

Khuyên nên gần lại có hai: a. Khuyên thân cận. b. Từ “Vì sao vậy?” trở xuống: Giải thích ý khuyên.

Từ “Phật bảo các Tỳ-kheo! Mười sáu vị Bồ-tát” trở xuống là phần hai: Trung gian thường gặp nhau. Gặp nhau có ba thứ:

1. Nếu gặp gỡ nhau thường thọ Đại thừa, thì hạng người này khoảng trung gian đều đã thành tựu, không đến ngày nay.

2. Nếu gặp gỡ nhau, gặp người kia thoái Đại thừa nên dùng Tiểu thừa dẫn dắt họ, thì hạng người này khoảng trung gian còn cố chấp chưa hết, nay được trở lại nghe giáo Đại thừa.

3. Chỉ luận gặp Tiểu không luận gặp Đại, các chúng sinh mà trung gian chưa độ thì đến nay cũng không hết, mới bắt đầu thọ Đại thừa cho đến sau khi Phật diệt độ mới đắc đạo.

Hỏi: Như trên do tu tập trải qua số kiếp nhiều như vi trần đến nay mới đắc A-la-hán, phải biết Vô sinh pháp nhẫn đâu để gì đắc ư?

Đáp: Bạc Đại Thánh luôn khéo y tứ Tất-đàn mà thuyết như vậy, hoặc nói Phật đạo lâu xa, hoặc nói Phật dễ đắc. Đối trị người nhàm chán đạo lâu dài, thì nói ngắn, để đối trị người mà đối với đạo sinh tưởng khinh dễ thì nói dài. Hoặc là để phát sinh thiện đời trước, hoặc tùy sự ưa muốn của thế gian, hoặc vì nghe thuyết dài ngắn thì đắc Đệ nhất nghĩa. Phải biết như đã nói trải qua nhiều kiếp đến nay mới đắc A-la-hán, đây là Quyền hạnh dùng tứ Tất-đàn để dẫn họ Thật hành khiến nhập đạo.

Từ “Các Tỳ-kheo! Ta nói với các ông” trở xuống là phần ba: Nay lại thuyết kinh Pháp Hoa. Văn đây lại có hai: 1. Hợp xưa nay. 2. Trở lại thuyết kinh Pháp Hoa. Hợp xưa nay lại có hai: a) Kết xưa nay của Thầy. b) Hợp xưa nay của đệ tử. Mười sáu vị Sa-di là xưa. Tám phương làm Phật là nay. Từ “Các Tỳ-kheo! Lúc mỗi mỗi chúng ta làm Sa-di” trở xuống là hợp xưa nay của đệ tử. Phần này có hai: Một là Hiện tại; Hai là Vị lai. Phần Hiện tại có bốn ý:

- Bất thoái: trụ Tam-bồ-đề.

- Các chúng sinh thoái chuyển đó: nay trụ Thanh văn.

- Từ “Vì sao vậy?” trở xuống: giải thích ý thoái trụ.

- Từ “Vô lượng chúng sinh được hóa độ lúc ấy” trở xuống: chánh kết ý xưa nay.

Từ “Và sau khi ta diệt độ” trở xuống, là hợp đệ tử vị lai, lại có hai:

- Chánh hợp.

- Từ “Sau khi ta diệt độ, lại có” trở xuống, là giải thích nghi. Nghi

hiện tại được nghe Phật thuyết kinh Pháp Hoa được nhập nhất đạo, tức có thể là dòng kết duyên? Nghi vị lai ấy không nghe Pháp Hoa mà tưởng là nhập diệt độ, đây đâu có thể xả Tiểu đắc nhập Nhất thừa? “Giải thích rằng: Dù Phật diệt độ, cuối cùng chúng cũng hợp được nghe kinh này. “Ta ở nước khác làm Phật”, cho đến “câu Phật tuệ mà được nghe kinh này”. “Nước khác” là cõi nước Hữu dư của Tam thừa Thông giáo. “Trừ các Như Lai phương tiện nói pháp”: đoạn nghi. Nói ba, đó chỉ là phương tiện mà nói, kỳ thật không có ba.

Từ “Các Tỳ-kheo! Đức Như Lai tự biết” trở xuống: chánh nêu nay trở lại thuyết Pháp Hoa. Đây lại có ba:

1. Thời chúng thanh tịnh.
2. Chánh thuyết Pháp Hoa.
3. Giải thích ý khai tam ở trên.

“Biết đến giờ Niết-bàn”: Chư Phật xuất thế thời gian dạy đạo sắp xong tức thời điểm thuyết kinh này. Như đức Phật Ca-diếp, Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh v.v... thuyết kinh này xong, thì nhập Niết-bàn. Đức Phật Thích-ca thuyết kinh Pháp Hoa xong thì xưng rằng sẽ diệt độ. “Chúng lại thanh tịnh”: tức Đoạn đức. “Tín giải kiên cố”: “tín” tức bốn niềm tin bất hoại, “giải” tức vô lậu chánh giải, liễu đạt chân đế đủ các thiền định, đây là Trí Đoạn lập. Lúc ấy mới có khả năng dạy Đại đạo, người nghe chắc tín thọ. Lại nữa, “chúng lại thanh tịnh”: do Tam tạng giáo được lợi ích, thoát nạn. “Tín giải kiên cố”: đối với Phương Đăng giáo thì tâm tướng thể tín; liễu đạt pháp Không khi nghe thuyết giáo pháp Bát-nhã. Ở trong pháp Không, tâm được liễu đạt, tức là ý Chuyển giáo. Từ “Liên nhóm họp các Bồ-tát” trở xuống, là chánh thuyết Pháp Hoa. “Nhóm họp các Bồ-tát” là tụ tập thân tộc để thuyết kinh này. Trên giải thích “thân tộc” là pháp thân đại sĩ, là chúng ảnh hưởng. Dùng văn đây để kiểm nghiệm nghĩa kia, thì rõ ràng. Tập họp Bồ-tát là hội họp thân tộc, và chúng Thanh văn là con nhận mệnh lệnh.

Từ “Các Tỳ-kheo nên biết! Đức Như Lai phương tiện” trở xuống, là giải thích ý khai tam. Nếu thế gian không có Nhị thừa được diệt độ, thì vì sao đức Như Lai trước thuyết Quyền giáo? Giải thích rằng: Tỳ-kheo nên biết! Như Lai phương tiện, biết rõ tâm tánh của chúng sinh nhỏ hẹp ưa pháp nhỏ, tham đắm ngũ trần ngũ trước xấu tệ, cho nên trước nói ba, khiến phá thói hư xấu, thoát nạn, sau mới nói một.

Từ “Thí như đường hiểm dài năm trăm do tuần” trở xuống, là phần Thí thuyết. Có khai có hợp.

- Khai thí chia làm hai:

1. Thí dụ Đạo sư ví như “lại lần nữa giảng cùng kết đại duyên” bên trên, tức phần lược tụng, dự định dùng phương tiện trong Tổng thí Nhà lửa ở trên.

2. Thí dụ Muốn dẫn dắt, ví như “trung gian gặp nhau, nay lại thuyết Pháp Hoa” ở trên. Nếu trung gian gặp nhau theo ta nghe pháp đều vì Tam-bồ-đề, thì không vì người này thiết lập thí dụ. Nếu trung gian gặp nhau, nay có trú nơi địa vị Thanh văn, thì chính vì người này thiết lập thí dụ thứ hai, tức là phần tụng rộng dự định dùng phương tiện trong Biệt thí Nhà lửa ở trên.

Phần một: Thí dụ Đạo sư. Văn có năm tức sáu ý trong phần lược tụng dự định dùng phương tiện trong Tổng thí Nhà lửa bên trên.

1. “Năm trăm do tuần”: dụ cho xứ sở mà chúng sinh chưa độ, tham đắm các hữu, luân hồi trong đó, tức nhà kia rộng lớn trong dụ Nhà lửa, như ba cõi không an ổn, là ý an ổn đối bất an ổn trong phẩm Phương tiện.

2. “Đường dữ hiểm nạn” ví như bên trên “Chưa vượt qua các phiền não chướng nặng, đối với trí tuệ Như Lai khó tin khó hiểu”, tức ví lửa cháy trong Thí dụ Nhà lửa, là pháp an ổn đối bất an ổn trong phẩm Phương Tiện.

3. “Nếu có chúng đông” là chánh thí dụ bên trên: “trăm ngàn vạn ức loại đều sinh nghi hoặc không hiểu”, là dụ ba mươi người con và năm trăm người trong Nhà lửa, là ý “biết tánh ưa muốn của chúng sinh” trong phẩm Phương Tiện.

4. “Muốn đi qua con đường này đến chỗ trần bảo” là thí dụ xưa không lấy, nay lấy, ví như “lại giảng kinh Pháp Hoa” bên trên, như “mưa nhất vị” trong phẩm Dược Thảo Dụ, như “chỉ có một cửa” trong thí dụ Nhà lửa, là ý tuyên giảng Phật đạo trong Phẩm Phương Tiện.

5. “Có một vị đạo sư” là Vương tử thứ mười sáu trong thí dụ trên, tức dụ “mây đầy đặc” trong phẩm Dược Thảo, là Trưởng giả, trong dụ Nhà lửa, là ý “Ta nay cũng như vậy” trong phẩm Phương tiện.

Hỏi: Trong đây làm ví dụ, sao không nói “cha con thất lạc nhau”, “trưởng giả kinh sợ vào nhà lửa”, “không hư dối”... ?

Đáp: Phạm nêu tên ví dụ đều tùy theo nghĩa thuận tiện. Trên chọn cơ cảm có và không, cho nên nói “cha con thất lạc, cha con gặp nhau”. Hoặc chọn cảm ứng, chỉ tùy căn cơ, cho nên nói “kinh sợ vào nhà lửa”, Trong đây nêu “muốn dẫn dắt mọi người đời đời gặp nhau”, thì đâu thể nói “thất lạc”. Từ lâu kết duyên, đâu được nói “bắt đầu ứng”, vì nghĩa đây cho nên không nói “xa lìa nhau và kinh sợ” đó thôi! Mà ý kia thì

thông.

Hỏi: Vì sao không nêu thí dụ “Không hư dối”?

Đáp: Từ trước đã có hai mươi hai phen khai Quyển hiển Thật, nghĩa kia đã rõ ràng. “Không hư dối” là để khuyên tin, hàng hạ căn tin không bao lâu nên không cần.

“Năm trăm do tuần”: theo Cơ sư nói: Tam giới kết Hoặc là ba trăm, hàng Thất địa đoạn tập khí là bốn trăm, hàng Bát địa trở lên đoạn vô minh là năm trăm. Nay nói chẳng phải nghĩa chánh biệt, lại chẳng phải nghĩa thông Tam thừa.

Lại có người nói: Có bốn thứ: Lưu lai sinh tử, Biến dịch sinh tử, Trung gian sinh tử, Phần đoạn sinh tử. Chỉ chọn ba thứ kia khai làm năm trăm, không chọn Lưu lai sinh tử. “Lưu lai” là lúc bắt đầu có thức thì trái với nguồn gốc ban đầu, cho nên không nói. Có người nạn vấn điều này rằng: Kinh Thắng Man nói: Nhân năm, quả hai. Quả hai là Phần đoạn và Biến dịch. Nhân năm nghĩa là năm trụ. Nói quả thì đã biệt khai Lưu lai và Trung gian, nói nhân thì cũng nên càng rộng thêm năm trụ. Lý luận này không căn cứ, không nên dùng. Đại luận nêu: “Nhục thân Bồ-tát tức Phần đoạn, Pháp thân Bồ-tát là Biến dịch”. “Lại nói A-la-hán xả báo thân tam giới, thọ thân pháp tánh”. Cho nên, biết sinh tử có hai. Có người nói: Ba trăm dụ ba cõi, Bốn trăm dụ Thất địa, trung gian hai nước khó vượt qua; Năm trăm dụ Bát địa trở lên.

Có người nạn vấn rằng: Bốn trăm dụ Thất địa, thì lẽ ra Ba trăm dụ Lục địa. Lục địa và Nhị thừa công bằng nhau. Đáp: Hàng Nhị thừa lâu tối đa chỉ có sáu mươi kiếp hoặc một trăm kiếp. Thời gian Bồ-tát đến Lục địa là hai mươi hai đại tăng-kỳ, hàng Nhị thừa loanh quanh trở về đạo, cho nên không ngang bằng được. Nay nói đây không phải nghĩa riêng cũng không phải nghĩa chung. Có người nói: “Tam giới là Ba trăm. Thất trụ và nhị thừa là Bốn trăm, Thất trụ trở lên là Năm trăm”. Như Đại Kinh nói: “Sơ quả tám vạn kiếp đến Bồ-đề tâm xứ”. Như người hàng tam căn đạt đến nơi này, liền lãnh giải. Năm hạng người đạt đến nơi này, gọi là vượt qua năm trăm. Đây lấy mức tối đa ngu độn nên nói “tám vạn kiếp đến”. Hàng lợi căn không hẳn như vậy. Như khi đức Phật tại thế, người đắc tứ quả nghe kinh Pháp Hoa thì đều phát tâm, hà tất phải tám vạn kiếp!

Có người nạn vấn: “Kinh nêu rõ vượt quá ba trăm do tuần lập Nhị địa, đâu phải là độ ba người. Nếu năm người đều phát Bồ-đề tâm, thì gọi là vượt qua năm trăm. Đáp rằng: Chính một ý trong Đại kinh nêu năm người phát tâm là năm vị, nhưng đó chẳng phải ý trong kinh này.

Trong đây nêu “ba trăm” là Quyền độ tại Hóa thành, “năm trăm” đến Bảo sở gọi là Thật độ. Bỏ Hóa thành, tiến đến Bảo Sở. Nếu năm người đều vượt đều tiến, thì mất ý nghĩa của thí dụ Hóa thành!

Có người nói: “Tam giới là ba trăm, Thanh văn là Bốn trăm, Duyên giác địa là năm trăm. Phạm phu chướng ở tam giới, Nhị thừa chướng ở Niết-bàn cũng là hữu không nhị kiến, Cây thuốc Hoa Nghiêm không thể ở sinh ở nước sâu, hầm lửa. Hầm lửa tức tam giới, nước sâu tức Nhị thừa. Tam Giới là lao ngục của Nhị thừa; Nhị thừa là lao ngục của Bồ-tát. Lại, chính cái phước trí nhị biên, thì không thể tự hành không thể hóa tha. Kinh Đại Phẩm nêu Bốn trăm do tuần, hợp nhị thừa làm một trăm. Pháp Hoa khai làm năm trăm. Đại Phẩm nêu Bồ-tát vượt hai địa phạm Thánh, mà chưa nêu Nhị thừa là Quyền, tức thiếu ý Hóa thành. Đã chưa luận đến Hóa thành, thì cũng chưa nêu Bảo sở”. Đáp: “Đại Phẩm đã hiển Thật, cho nên đã nêu Bảo sở; chưa khai Quyền, cho nên không nêu Hóa thành”.

Văn dưới nói: “Vì để nghỉ ngơi, cho nên nói hai thứ Niết-bàn”, tại đây là đã vượt qua ba trăm do tuần. “địa vị mà các ông trụ, gần với trí tuệ Phật”, đây khiến vượt khỏi hai trăm do tuần nữa. Văn đã nêu rõ, không nên khổ công mê hoặc. Lại, nêu rõ Nhị thừa có sáu nghĩa đồng và mười nghĩa khác. Sáu nghĩa đồng là:

1. Đồng xuất tam giới.
2. Đồng tận vô sinh.
3. Đồng đoạn chính sử.
4. Đồng đắc Hữu dư Vô dư.
5. Đồng đắc nhất thiết trí.
6. Đồng danh Tiểu thừa.

Do đó hợp thành một “Hóa thành”. Mười nghĩa khác là:

1. Hành nhân xa gần sáu mươi kiếp, một trăm kiếp.
2. Căn lợi độn.
3. Theo thầy và tự ngộ.
4. Không Bi và có Bi ví như xe hươu và xe dê.
5. Có tướng hảo và không tướng hảo.
6. Quán lược rộng.
7. Có thể thuyết pháp đắc tứ quả, và không thể thuyết pháp đắc

Noãn pháp.

8. Ở đời có Phật và không có Phật.
9. Đốn chứng và tiệm chứng.
10. Duyên giác thì phần nhiều hiện thần thông, ít thuyết pháp, còn

Thanh văn thì bất định.

Ba xe ở dụ Nhà lửa nay là dụ “Hai trăm do tuần”. Ba căn đồng bị thiêu trong nhà lửa, ba căn cầu thoát ra cho nên có ba xe. Phật đạo lâu dài, Nhị thừa vẫn là con đường nguy hiểm cho nên nói còn “hai trăm” cần phải lìa. Phật thừa không phải chướng chỉ nêu hai trăm, vì sao căn cứ phạm khai ba (trăm), ước về Thánh khai hai (trăm)? đây là dẫn tiến mà nói. Người được độ còn ít, người chưa được độ còn nhiều. Nếu vậy, thì chưa thành liễu nghĩa? Phật đạo tuy dài như đi vạn dặm, nhưng chỉ có năm trăm do tuần là khó, còn ngoài ra thì dễ.

Hỏi: Vượt hai trăm do tuần là việc khó của Nhị thừa, vượt tam giới là việc khó của phạm phu. Bồ-tát có khó không?

Đáp: Bồ-tát không coi nhà lửa là nạn, không cần cầu xe để ra khỏi nhà lửa. Nhị thừa đã cầu xe để vượt ra, thì sao không bị hai trăm làm chướng ngại!

Đại luận quyển sáu mươi sáu nói: “Đường hiểm là thế gian. Một trăm do tuần là Dục giới. Hai trăm do tuần là Sắc giới. Ba trăm do tuần là Vô sắc giới. Bốn trăm do tuần là Nhị thừa. Lại nữa, một trăm do tuần là Nhị thừa đạo, hai trăm do tuần là Vô sắc giới, ba trăm do tuần là Sắc giới, bốn trăm do tuần là Dục giới”. Kinh này nêu năm trăm do tuần tức Bồ-tát đạo. Nếu vượt quá năm trăm, thì nhập Phật đạo... Nhân sư và kinh luận khác nêu ra như trước. Nay y kinh này mà phán xét, thì: nơi tam giới quả báo là ba trăm, nơi cõi Hữu dư là bốn trăm, nơi cõi Thật báo là năm trăm.

Văn dưới hợp thí nói: “Biết các sinh tử”, sinh tử là nơi chốn, rõ ràng rồi vậy! Chỉ vì tôn chỉ của Phật khó biết, nên phải rộng giải. Kiến hoặc là một trăm. Ngũ hạ phần là hai trăm. Ngũ thượng phần là ba trăm. Trần sa là bốn trăm. Vô minh là năm trăm. Văn dưới hợp thí nói: “Phiền não hiểm nạn ác đạo” nghĩa đó phù hợp. Nhập Không quán thì năng vượt qua ba trăm. Nhập Giả quán thì năng vượt qua bốn trăm. Nhập Trung quán thì năng vượt qua năm trăm. Văn dưới hợp thí nói:

1. “Khéo rõ biết được tướng thông bát của con đường hiểm”, tức là biết hai thứ nhân quả, phù hợp nghĩa năm trăm do tuần.

2. “Đường dữ hiểm nạn” là dụ cho nhân quả sinh tử. Phần đoạn và Biến dịch, đây tức là quả hiểm nạn. Tư hoặc, Kiến hoặc, Ngũ trụ phiền não, tức là nhân hiểm nạn. Do nhân quả này, cho nên nói “Đường dữ”. “Chốn không người”: đạo có hai loại: a. Trống rỗng vắng vẻ, có người để nương. b. Không có người để nương. Loại một: Trong sinh tử có Niết-bàn, trong phiền não có Bồ-đề, ví như chỗ trống rỗng vắng vẻ mà

có người để nương. Loại hai: Như sinh tử phiền não không có Niết-bàn Bồ-đề, trong thuốc không có bệnh, trong bệnh không có thuốc, đây tức chỗ trống rỗng vắng vẻ không có người để nương.

3. “Nếu có nhiều chúng sinh”, đây là dụ vương tử chúng được giáo hóa chưa độ.

4. “Muốn vượt đường hiểm này” cầu đến chủng giác, cho nên nói “đến chỗ trần bảo”.

5. “Có một vị đạo sư”, tức vương tử thứ mười sáu. Nhân nhĩ thanh tịnh, nên gọi là “thông”, ý thanh tịnh gọi là “lợi”, tóm lại tức sáu căn thanh tịnh. “Trí” tức nhất tâm tam trí, “minh” tức đầy đủ ngũ nhãn. Lại, Tam minh là “minh”, Thập lực là “đạt”.

Từ “Dẫn dắt chúng nhân muốn vượt qua” trở xuống, là phần hai của Khai thí, tức thí dụ Muốn dẫn dắt. Đây giống với ý nhà lửa phương tiện biệt thí tụng rộng. Văn đây chia làm ba:

1. “Đám đông người được dẫn dắt”: ví như những người đã kết bản duyên nhưng chưa được độ. Bản duyên không mất mà được đạo sư dẫn dắt, giống ý “trưởng giả thấy lửa sợ hãi” trong dụ Nhà lửa bên trên, là ý “thấy ngũ trước mà khởi đại bi tâm” trong phẩm Phương Tiện.

2. “Đi giữa đường lười mỗi muốn thoái lui”: ví như “giữa đường gặp nhau thoái tâm Đại thừa, thì dùng Tiểu thừa dẫn dắt” bên trên, là ý “không dùng thân, tay, mà khen ngợi ba xe hy hữu” trong dụ Nhà lửa, là ý “thôi Đại thừa hóa, nghĩ đến dùng phương tiện” trong phẩm Phương tiện.

3. Từ “Khi ấy đạo sư biết đám đông người đó” trở xuống là thí dụ “diệt Hóa thành dẫn đến Bảo sở”, ví như “trở lại vì thuyết kinh Pháp Hoa, liền tập chúng Bồ-tát và Thanh văn mà thuyết kinh này” bên trên, tức là ý “đồng ban cho một thứ xe lớn” trong dụ Nhà lửa, và giống như ý “chỉ thuyết vô thượng đạo” trong phẩm Phương tiện. Phân văn đã xong tiếp đến giải thích:

“Đám đông người được dẫn dắt”: Nói chung là chúng kết duyên. Nếu luận riêng, thì những ai trước được lợi ích Đại thừa tức là đã được dẫn dắt xong; những ai chưa được Đại lợi, thì nay chính là người được dẫn dắt. Nếu căn cứ năm trăm người trong Nhà lửa, thì ba mươi người con là người chưa được khai ngộ.

“Giữa đường mỗi một thoái lui”: văn chia làm hai: 1. Thoái Đại.

2. Tiếp Tiểu.

1. *Thoái Đại*: tức là ý “Phật dự định thôi hóa nhất Thực” bên trên.

Tiếp Tiểu: dự định dùng Tam (quyền). Văn thoái Đại chia làm ba: a)

“Giữa đường mỗi một thoát lui” tức trên nói “không có đại cơ”. b) “Bạch đạo sư rằng”: trên nói “không thọ Khuyến, Giới”. “Chúng con cực kỳ mệt mỗi” tức là không thọ Khuyến môn, “lại thêm sợ sệt” tức không thọ Giới môn. c) “Chẳng có thể đi nữa” tức là bên trên nói “thôi hóa”. Phần văn đã xong.

Tiếp giải thích: “Giữa đường”: Chẳng phải nửa đường nên gọi giữa đường (trung lộ), chỉ do coi phát tâm là đầu, đến thành Phật là cuối. Ở khoảng giữa hai đầu mút này mà khởi thoát lui hay dừng nghĩ, thì gọi “giữa đường”. “Bạch đạo sư rằng”: tự có đạo sư Từ bi thông thạo đường đi, như văn nói: “Có một đạo sư dẫn dắt mọi người”. Tự có đạo sư Kết duyên như văn nói: “Đám đông người được dẫn bạch đạo sư rằng”. Tự có đạo sư Quyền trí, như văn nói: “đạo sư có nhiều phương tiện”. Tự có đạo sư Thật trí, như văn nói: “đạo sư biết đám đông người đó”. Nay nói “bạch đạo sư” chính là bạch với đạo sư kết duyên. Vì chúng thoát Đại thì Đại diệt, tiếp Tiểu thì Tiểu sinh. Một sinh một diệt, cảm pháp thân gọi đây là “bạch”. Vương tử biết chúng thoát Đại, tức nghe chúng tác bạch. Thiện căn yếu đuối, bị vô minh che lấp, cho nên nói “cực kỳ mệt nhọc”. Chấn sợ sinh tử, gọi là “sợ hãi”. “Chẳng thể tiến tới nữa, đường trước còn xa”: Kiến hoặc, Tư hoặc, Trần sa hoặc, Vô minh hoặc khó có thể đoạn ngay, thì dùng Tiểu thừa tiếp dẫn họ, không khiến lập tức trở về bản xứ, nhưng cũng có nghĩa “tiến tới”.

2. *Tiếp Tiểu*: từ “Vị đạo sư có nhiều phương tiện”: trở xuống, là thí dụ dùng Tiểu để tiếp dẫn. Trên trong dụ Nhà lửa phương tiện khai pháp Tam thừa, có bốn ý, trong đây đầy đủ. 1. “Có nhiều phương tiện” ví như dự định thích hợp. 2. Từ “Mà tự nghĩ rằng” trở xuống: bọn ấy đáng thương bỏ mất trân bảo, dự biết có Tiểu không có Đại. 3. Từ “Nghĩ thế rồi dùng phương tiện” trở xuống: hóa làm một cái thành, dụ chính thức dùng phương tiện. 4. “Bấy giờ chúng cực kỳ mỗi một ấy rất vui mừng” trở xuống: nhập thành, ví như tam thừa ngộ nhập. Hai ý trên như văn. Hóa thành dụ lại chia làm hai: 1. Tác hóa; 2. Thuyết hóa. “Dùng sức phương tiện” trở xuống, chính là Tác hóa. “Bảo chúng rằng” trở xuống, chính là Thuyết hóa. Trong dụ Cho xe bên trên nói rằng: “Ta vì các ông mà làm các xe này”. Nay thành là có cho nên phải trước tạo tác. Thuyết Hóa thành dụ, giống như “Khuyến chuyển Thị chuyển Chứng chuyển” bên trên. “Các ông chớ sợ, dừng lui về” là Khuyến chuyển, khiến tiến thẳng vào thành. Từ “Nay thành lớn này” cho đến “muốn làm gì thì làm” là Thị chuyển, bảo rằng thành này có thể dừng ở. “Nếu vào thành này sẽ được rất an ổn” là Chứng chuyển, khen ngợi thành an ổn. “Như

thế có thể thẳng đến Bảo sở, cũng có thể được đi”, trong Tam tạng giáo chưa luận nghĩa “tiến thẳng”. Có một thuyết nói: “Rõ ràng đây nói ở thời tam thừa giáo. Nếu người phát tâm Đại thừa cầu Phật thì cũng tốt. Nếu không thể như thế, thì chỉ làm Nhị thừa cũng tốt. Theo như kinh Thắng Man nói: “Sơ nghiệp của tam thừa không ngu đối với pháp, tự biết sẽ được làm Phật, chỉ vì sợ không có khả năng cho nên chấp vĩnh diệt”. Nếu vậy thành Biệt giáo! Lại, có thuyết khác nói: “Chỉ khiến nhập Hóa thành, nhưng sau lại tiến thẳng”. Trong các kinh Đại Phẩm, Tịnh Danh đều có ý đó. Đấy tức là ý Biệt tiếp Thông. Nhưng ở đây đức Phật chưa khai hiển cái “tiến lên” đó, do không được hiển lộ rõ ràng mà có câu nói này. Nếu tính theo đời trước, thì lẽ ra có nói như vậy. Vì sao? Vì biết thoái ý. Vương tử giáo hóa rằng: “Các ông nếu sợ sinh tử, thì hãy tạm dùng Niết-bàn để nghỉ ngơi, nhưng sau lại hành Đại đạo, cũng có thể tùy ý”. Cũng như nay người muốn học Đại thừa mà sợ sinh tử muốn khởi thoái tâm, có người khuyên: “Ông hãy đoạn phiền não, chứng La-hán, nhưng sau lại tiếp thu Đại đạo, cũng có thể được”. Nay hiện tại một đời hóa đạo chưa khắp thì không được bỗng có lời nói như thế. Nếu khai Quyền hiển Thật, thì được nói thế, như trong thời Niết-bàn các người thủ chứng quả La-hán đều là nghĩa kia.

“Đại hoan hỷ” tức văn tuệ. “Chưa từng có” tức Noãn vị. “Thoát khỏi đường dữ” tức Đảnh vị. “Vui thích được an ổn” tức Nhẫn vị. “Thẳng vào hóa thành” tức Kiến đế vị. “Tuởng đã diệt độ” tức vô học vị, đây giống như “thích hợp sở nguyện, các con mạnh mẽ xô đẩy để ra khỏi nhà” trong dụ Nhà lửa. “Nảy sinh cảm tưởng đã được diệt độ”: như đắc Tân trí. “Nảy sinh cảm tưởng đã được an ổn”: như đắc Vô sinh trí. Lại, đây đủ Trí đức như “đã độ”, chứng Đoạn đức như “an ổn”.

Có người nói “Bảo sở” là tam giới mà nhị thừa nếu vượt qua thì đến Phật đạo, Phật đạo là Bảo sở. Đại kinh có ba lời văn: 1. Đến Bồ-đề tâm; 2. Đến Bồ-đề; 3. Đến đại Niết-bàn môn. Nếu đến Bồ-đề tâm, thì quyết đến Bồ-đề và Niết-bàn. Dẫn ba lời văn đây: Đến Bồ-đề tâm gọi là đến nhân, Bồ-đề Niết-bàn gọi là đến quả, trong quả có Trí Đoạn. Bồ-đề là Trí, Niết-bàn là Đoạn.

Nói đủ đầu đuôi, nói đủ Trí Đoạn, cho nên nói ba lời văn. Vượt qua “năm trăm do tuần” có ba nghĩa: 1. Thoát đường dữ; 2. Được đường tốt lành; 3. Là Bảo sở. Bồ-đề tâm ví như vượt qua đường dữ, Bồ-đề hành ví như đường bằng phẳng. Đắc Phật đạo, ví như đến Bảo sở. Văn dưới nói: “Nay ta vì các ông nói thật rằng sở đắc của các ông chẳng phải chân thật”. Đây nêu vượt qua đường dữ năm trăm do tuần. Vì nhất

thiết trí của Phật, nên phát đại tinh tấn nghĩa là đi con đường tốt Bồ-đề. Ông chứng Phật pháp như Nhất thiết trí, Thập lực v.v..., nghĩa là đắc Phật đạo, cơ sao cần phải vượt qua năm trăm do tuần, hàng Nhị thừa qua ba trăm, Bồ-tát qua bốn trăm, Phật thừa qua năm trăm?

Từ “Lúc ấy đạo sư biết đấm đông người đó” trở xuống, là Phần ba: “Diệt Hóa thành dẫn đến Bảo sở”. Trong đây có hai: 1. Biết đã nghỉ ngơi rồi. 2. Hưởng đến Bảo sở. “Đã được dừng nghỉ ngơi rồi không còn mỗi một”, là dụ trên nói “đến thời Niết-bàn chúng lại thanh tịnh”. Thoát khỏi nạn thì Đại cơ phát sinh, tức diệt Hóa thành, dẫn hưởng đến Bảo sở, ví như “chính thuyết Pháp Hoa chỉ bày tướng chân thật” bên trên. “Bảo sở” có hai nghĩa: Nếu dụng cứu cánh, thì lấy cực quả làm Bảo sở. Văn trên nói: Chỉ có Phật với Phật mới có thể thấu tột thật tướng của các pháp. Nếu phân nhập, thì lấy sơ phát tâm trụ làm Bảo sở. Cho nên, văn trên nói: “Kho báu vô thượng không cầu mà tự được”. Lại nói “đắc phần Phật pháp, các pháp mà Phật tử cần được, đều đã được”. Đại kinh nói: “Tu-đà-hoàn thì tám vạn kiếp mới đạt đến, đến chỗ sơ phát Bồ-đề tâm”. Đây là chọn độn căn, mặc sức dụng tám vạn mười ngàn... mới đến. Nếu như tứ quả trong Tam tạng, thì không trải qua thời gian ngắn đều được nhập Đại thừa đâu cần đợi đến tám vạn mười ngàn ư!?!...

“Bảo sở ở gần đây, thành lớn, trước đó là của ta biến hóa”: nêu thí dụ Bồ quyền để thuận thí dụ Hiển thật. Trên nói: Trí tuệ Như Lai khó tin khó hiểu, các hạng người ấy nên dùng pháp ấy dần dần nhập Phật tuệ. Giống như trong phẩm Phương Tiện nói: Khiến thoát khổ khỏi sự trói buộc, đạt tới đắc Niết-bàn, đức Phật dùng sức phương tiện chỉ bày tam thừa giáo.

Xưa hỏi: Xe và thành đều dụ cho Vô sinh trí, thì xe vì sao mà không, thành vì sao mà có, và xe thì ba thứ, mà thành thì chỉ một, xe thì động, thành thì tĩnh?

Đáp: Trưởng giả nói ngoài cửa có xe, vì có ngăn cách nên các con không thấy, nên có thể được giả thiết ngoài cửa có xe, xe thật không có. Còn thành thì nổi cao lên trên mặt đất, không thể giả thiết, cho nên thành là có. Căn cứ lý giáo, chấp tam giáo chọn lý thì tam giáo đều đắc lý, đây tức có nghĩa như “thành”. Dem lý chọn giáo, lý đã duy nhất, thì giáo đây tức không có quả tam gia, tức nghĩa xe không có căn cứ. Có ba xe, một thành: Các người đồng dừng ở một chỗ, do đó thành chỉ một. Xe thì căn cứ ba hạng người, ba hạng người sở thích không đồng, cho nên có ba. Lý giáo: Tận, Vô sinh trí của Tam thừa giáo không khác, như

thành. Chánh sử phiền não của Tam thừa tuy cùng dứt hết, mà tập khí thì có hết và không hết, có người một bên đắc tri kiến, có người không đắc, cho nên dùng đây trang nghiêm Tận, Vô sinh trí, nghĩa đây không đồng, như ba xe. Tam gia Tận Vô sinh trí, nêu nhân tận quả vong, nơi đây tột cùng, như thành tĩnh. Tận Vô sinh trí vận nhập Vô dư, như xe động. Nay nêu căn cứ tâm chúng sinh, thì xe thành đều có, căn cứ Phật trí thì cũng có cũng không. Quyền trí được nêu là có, như thành. Thật trí được nêu là không, như xe... Hóa thành ý chính là vì người thoái Đại chọn Tiểu, bên cạnh đó vì thương xót người học Tiểu thừa. Hai đoạn trên ý chính là thương xót người học Tiểu thừa, đồng thời vì người thoái Đại. Ba xe thông xưa nay, Hóa thành ý chính là ý dẫn giáo, chưa được đạo là Hóa vậy.

Hỏi: Hóa làm ba xe cùng Hóa thành có gì khác nhau?

Đáp: Ba xe làm dụ cho Thuyết pháp luân, Hóa thành làm dụ cho Thân thông luân. Lại, Xe thì căn cứ âm thanh làm dụ, các con nghe mà không thấy. Thành là sắc làm dụ.

Hỏi: Thành cùng hai sử giả trong phẩm Tín Giải là thế nào?

Đáp: Sử là năng chỉ bày như giảng dạy lý, thành làm dứt sự lo lắng. Giáo động mà thành tĩnh. Giáo tức Tứ đế, Thập nhị duyên có khác. Thành là Nhị trí nhập Vô dư không khác. Giáo thông cả nhân quả, thành xe chỉ tại quả giáo thông hữu vi vô vi, thành xe chỉ tại vô vi. Quyền trí cho rằng xe là không có, gọi là giáo thiết lập ra. Thật trí cho rằng xe là có, vì không lìa văn tự nói giải thoát. Quyền trí chiếu thành là có, vì dẫn dắt chúng sinh. Thật trí chiếu thành là không, vì thiên chân chẳng thật. Cho nên, Quyền trí chiếu xe là ba, đậu ba duyên. Thật trí chiếu xe là một, đều hội Nhất thừa. Quyền trí chiếu thành là một, vì là thiên chân. Thật trí chiếu thành là ba vì Như Lai tạng. Quyền trí chiếu thành là tĩnh, vì là Khô đoạn. Thật trí chiếu thành là động, cho nên diệt Hóa thành. Quyền trí chiếu xe là vận chuyển, vì vận chuyển nhập Vô dư. Thật trí chiếu xe là tĩnh, vì không động, không xuất. Giải thích như đây lẽ nào giống với xưa? Xưa chỉ giải nghĩa theo Tiểu thừa.

Hỏi: Năm chỗ khai tam hiển nhất có gì sai khác?

Đáp: Nói chung thì không khác, nói chi tiết thì có khác. Phẩm Phương Tiện căn cứ Giáo mà khai tam hiển nhất. Văn nói: “Như Lai chỉ dùng nhất Phật thừa, vì chúng sinh thuyết pháp không hai cũng không ba”. Dụ Nhà lửa thì căn cứ Hạnh mà khai tam hiển nhất, xe là nghĩa vận chuyển, vận chuyển dụ do hạnh. Văn nói: “Đều ngồi xe lớn, dạo khắp bốn phương, đùa giỡn vui vẻ”. Trong phẩm Tín Giải, căn cứ Người mà

khai tam hiển nhất, kết linh hội người làm thuê tức là con của trưởng giả, chúng con xưa nay chân thật là Phật tử. Trong phẩm Dược Thảo Dụ, căn cứ sai biệt và không sai biệt mà nêu quyền thật, không đích xác bỏ hay lấy, chỉ nêu chúng sinh không biết Phật muốn cho họ biết. Nếu bầy thứ sai biệt thì biết Quyền. Đồng y một lý, không sai biệt, tức biết Thật. Sai biệt mà không sai biệt, không sai biệt mà sai biệt, khiến cho chúng sinh biết ý này thôi! Cuối cùng bất thuyết, nói không một, có một. Đây căn cứ tự hành quyền thật nhị trí, tùy tự ý nói. Cho nên, đức Phật có thể biết mà chúng sinh không thể biết. Cũng là thông trước thông sau, biết không biết nêu quyền thật. Nay Hóa thành chính là căn cứ lý khai tam hiển nhất. Bảo sở, Hóa thành đều là hai lý Tiểu, Đại. Pháp Nhị thừa trừ hóa lý, hiển bày Bảo sở chân thật Nhất lý. Văn phần dưới nêu năm trăm vị lãnh giải, dùng hạt châu làm thí dụ, cũng là căn cứ Lý.

Từ “Các Tỳ-kheo! Đức Như Lai” trở xuống, là hợp thí. Trước là chánh hợp, sau nêu dụ thuận hợp, mà không có thứ lớp. “Đức Như Lai cũng lại như vậy” trở xuống, đầu tiên hợp thí dụ đạo sư thứ năm. “Nay vì các ông” trở xuống, là hợp thí dụ thứ ba: nhiều người. “Biết các đường dữ sinh tử hiểm nạn” trở xuống, là hợp với thí dụ “đường ác nguy hiểm” thứ hai. Hai chữ “dài xa” là hợp với thí dụ “Năm trăm do tuần” thứ nhất. “Nên bỏ nên vượt qua” là hợp với thông tuệ minh đạt, cũng là hợp với thí dụ thứ tư “muốn vượt qua đường hiểm ác đến chỗ trần bảo”. “Nếu chúng sinh chỉ nghe” trở xuống, hợp thí dụ thứ hai “sẽ dẫn”. Thí dụ vốn có ba, nay cũng hợp ba. “Nếu chúng sinh” là hợp thí thứ nhất số đông người được dẫn dắt. “Chỉ nghe nhất Phật thừa” là hợp thí dụ thứ hai “thoái đại tiếp tiểu”. “Nếu chúng sinh trú nơi nhị địa” trở xuống là hợp thí thứ ba “bỏ Hóa thành dẫn đến Bảo sở”. Thí dụ thứ hai vốn có thoái Đại tiếp Tiểu nay hợp đủ. Trên thoái Đại có ba ý. “Chỉ nghe nhất Phật thừa”: Hợp thí “giữa đường biếng nhác thoái lui”, là ý không có căn cứ. “Chẳng muốn thấy Phật không muốn nghe pháp”, hợp thí “bach đạo sư, không nhận khuyến răn”. “Liên suy nghĩ rằng”: Hợp thí “không thể tiến tới” bên trên, là ý thôi hóa. “Phật biết tâm chúng đó” trở xuống, hợp thí “dùng Tiểu tiếp người thoái lui”. Thí dụ vốn có bốn, nay hợp chỉ có ba. “Phật biết tâm chúng đó” là hợp thí “đạo sư nhiều phương tiện” bên trên, ý dự định thích hợp. “Khiếp nhược hạ liệt”, hợp thí “những người này đáng thương” bên trên, biết họ có căn cứ Tiểu thừa. “Mà ở giữa đường vì để nghỉ ngơi” trở xuống, là hợp thí dụ thứ ba “hiện làm Hóa thành, để mọi người vào thành”. Mà ở giữa đường vì họ thuyết hai thứ Niết-bàn: Là tam giới hoặc thì hết, mà Trần sa và Vô

minh hoặc thì chưa phá, ở giữa hai cực ấy mà đặt ra Hữu dư Niết-bàn và Vô dư Niết-bàn, cũng là Niết-bàn của Thanh văn và Niết-bàn của Duyên giác. Lại Phần đoạn sinh tử đã tận, Biến dịch sinh tử chưa trừ, giữa hai thứ sinh tử đặt ra làm Hữu dư và Vô dư cho nên nói trung đạo (giữa đường). “Nếu chúng sinh trú hai thứ Niết-bàn này” trở xuống, hợp thí thứ ba “dẫn đến Bảo sở”. Văn trên có hai nay hợp cũng hai. “Nếu chúng sinh trú hai thứ Niết-bàn”, đây là hợp biết đã dừng nghỉ ngơi. “Đức Như Lai lúc bấy giờ liền vì nói” trở xuống, đây hợp dẫn hướng đến Bảo sở. “Như vị đạo sư kia” trở xuống, là thứ hai nêu thí dụ thuận hợp, trình bày thí dụ tiếp thoái đại đến hợp thiết lập Tam thừa. Nêu thí dụ “diệt hóa” hợp hiển Nhất, như văn...

Kệ tụng có bốn mươi chín hàng rưỡi kệ tụng phần văn trên. Trên có hai. Đây cũng có hai:

1. Hai mươi hai hàng rưỡi, tụng nguyên do kết duyên.
2. Hai mươi bảy hàng, tụng chánh kết duyên.

Trên nguyên do có gần, xa. Đây cũng vậy:

Mười hai hàng tụng nguyên do xa bên trên. Tiếp mười hàng rưỡi, từ “Thế Tôn tuệ vô lượng” là tụng nguyên do gần. Nguyên do xa có hai.

1. Sáu hàng, tụng Đức Đại Thông thành đạo.
2. Sáu hàng, tụng mười phương Phạm thiên đến thỉnh chuyển pháp luân.

Trong Thành đạo có năm: 1. Ba hàng, tụng ý thứ hai: dẫn việc trước khi thành đạo. 2. “Trải qua mười tiểu kiếp” trở xuống, một hàng tụng ý thứ ba: chính thành đạo. 3. “Mười sáu người con Phật” trở xuống, hai hàng tụng ý thứ năm: Mười sáu người con thỉnh Phật chuyển pháp luân kiêm ý thứ tư thành đạo rồi quyến thuộc thân cận cúng dường. Lược không tụng ý thứ nhất: thọ mạng đức Phật lâu dài.

- Từ “Thế Tôn rất khó gặp” trở xuống, sáu hàng, tụng mười phương Phạm thiên thỉnh. Trên có hai. Đây cũng chia hai: 1. Một hàng tụng uy quang sáng chói. 2. “Các thế giới phương Đông” trở xuống, năm hàng tụng mười phương Phạm vương theo ánh sáng tìm đến chỗ Phật. Trong đây ba hàng trước tụng phương Đông, hai hàng sau tụng chung cả chín phương.

- Từ “Thế Tôn tuệ vô lượng” trở xuống, mười hàng rưỡi, tụng nguyên do gần. Trên có hai. Đây cũng chia hai: 1. Năm hàng tụng ý thứ nhất: chuyển nhị thừa pháp luân. 2. Từ “Bấy giờ mười sáu vị” trở xuống, có năm hàng rưỡi, tụng ý thứ hai lại thỉnh chuyển Đại thừa pháp luân.

Phần tụng Chuyển nhị thừa, lại có ba: 1. “Thế Tôn tuệ vô lượng” trở xuống, nửa hàng, tụng ý thứ nhất: thọ thỉnh. 2. “Vì nói các món pháp” trở xuống, một hàng rưỡi, tụng ý thứ hai: chánh chuyển nhị thừa pháp luân. 3. “Tuyên nói pháp đó rồi” trở xuống, ba hàng tụng ý thứ ba: thời chúng nghe pháp đặc đạo.

- Từ “Bấy giờ mười sáu vị” trở xuống, năm hàng rưỡi, là phần hai: vương tử lại thỉnh. Trên có bảy ý: 1. Hai câu đầu, tụng ý thứ nhất: vương tử xuất gia. 2. “Đều đồng thỉnh Phật kia” trở xuống, một hàng rưỡi, tụng ý thứ hai: chính thỉnh chuyển Đại thừa. 3. “Phật biết lòng đồng tử” trở xuống, hai hàng, tụng ý thứ tư: Hai vạn kiếp trung gian thuyết Phương Đăng Bát-nhã. 4. “Thuyết kinh Pháp Hoa này” trở xuống, nửa hàng, chánh tụng ý thứ tư: thọ thỉnh thuyết Pháp Hoa. 5. “Phật kia thuyết kinh rồi” trở xuống, một hàng, tụng ý thứ bảy: thuyết kinh rồi nhập định. Lược không tụng ý thứ ba: phụ vương dẫn tám vạn người cầu xin xuất gia, ý thứ năm: chúng nghe kinh có người hiểu có người không hiểu, ý thứ sáu: thuyết kinh thời tiết lâu dài.

Từ “Các vị Sa-di đó” trở xuống, hai mươi bảy hàng, tụng chánh kết duyên. Văn trên có hai. Đây cũng có hai: 1. Tám hàng, tụng Pháp thuyết. 2. Mười chín hàng, tụng Thí thuyết.

Bên trên Pháp thuyết có ba. Đây cũng có ba: 1. Ba hàng tụng ý thứ nhất: xưa kết nhân duyên. 2. Một hàng, tụng ý thứ hai: trung gian gặp nhau. 3. Bốn hàng, tụng ý thứ ba: ngày nay lại thuyết kinh Pháp Hoa.

Bên trên xưa kết nhân duyên có bốn ý. Đây cũng có bốn: 1. Nửa hàng, tụng Phật nhập định. 2. “Vì vô lượng ức chúng” trở xuống, một hàng rưỡi, tụng chánh thức giảng lại. 3. “Mỗi một vị Sa-di” trở xuống, một hàng, tụng nghe pháp được lợi ích. Lược không tụng ý thứ tư: đức Phật ra khỏi định xưng tán.

Từ “Sau khi Phật diệt độ” trở xuống, một hàng, tụng trung gian gặp nhau.

Từ “Mười sáu Sa-di đó” trở xuống, bốn hàng, tụng ngày nay thuyết kinh Pháp Hoa. Văn trên có hai ý : Kết hợp xưa nay, có hiện tại vị lai. Đây cũng có hai: 1. Ba hàng, tụng kết hợp hiện tại thầy trò. 2. “Do bản nhân duyên đó” trở xuống, một hàng, tụng lại thuyết Pháp Hoa. Văn trên lại có ba ý: Một câu đầu, tụng ý thứ nhất: thời chúng thanh tịnh, do Bản nhân duyên đó mà ngày nay chúng thoát nạn, cơ duyên phát sinh. Ba câu sau, tụng ý thứ hai: vì thuyết kinh này. Lược không tụng ý thứ ba: giải thích ý “khai tam”.

Từ “Thí như đường hiểm dữ” trở xuống, mười chín hàng tụng dụ khai hợp. Đây chia làm hai phần: 1. Mười một hàng rưỡi đầu, tụng khai thí. 2. Bảy hàng rưỡi sau, tụng hợp thí.

Phần Khai thí chia làm hai: 1. Ba hàng, tụng dụ Năm trăm do tuần. 2. Tám hàng rưỡi, tụng dụ dẫn dắt.

Phần dụ tụng Năm trăm do tuần có năm: 1. Một hàng tụng ý thứ hai: đường dữ hiểm nạn. 2. “Vô số ngàn muôn chúng” trở xuống, nửa hàng, tụng ý thứ ba: đám đông người. 3. “Đường đó rất xa vời” trở xuống, nửa hàng, tụng ý thứ nhất: Năm trăm do tuần. 4. “Bấy giờ một đạo sư” một câu, tụng ý thứ năm: Một đạo sư. 5. Từ “Nhớ dai có trí tuệ” trở xuống, ba câu tụng thông tuệ minh đạt. Không tụng ý thứ tư.

Từ “Mọi người đều mỗi một” trở xuống, tám hàng rưỡi, phần hai của Khai thí: tụng thí dụ dẫn dắt. Văn trên có ba ý. Đây cũng tụng ba: 1. Hai chữ đầu, tụng ý thứ nhất trên: Muốn dẫn dắt. 2. Từ “Đều mỗi một” trở xuống, năm hàng ba câu ba chữ, tụng ý thứ hai: mọi người biếng nhác thoái lui quyền lập Hóa thành. 3. Từ “Đạo Sư biết nghĩ xong” trở xuống, hai hàng rưỡi tụng ý thứ ba: diệt Hóa thành dẫn đến Bảo sở.

Phần hai trên có hai ý: 1. Biếng nhác thoái lui. 2. Tiếp dẫn người thoái lui. Đây cũng có hai: 1. Ba câu ba chữ, tụng biếng nhác thoái lui. 2. Năm hàng, tụng làm Hóa thành tiếp dẫn người thoái lui. Trong biếng nhác thoái lui lại có ba, nay lược không tụng ý thứ nhất: giữa đường. Văn trên tiếp dẫn người thoái tác Hóa thành, đây tụng đủ. 1. Một hàng, tụng ý thứ hai: đáng thương bỏ mất Đại thừa. 2. “Liên lại nghĩ phương tiện” hai câu, tụng thứ nhất: nghĩ thế này. 3. “Hóa làm thành quách lớn” trở xuống, hai hàng rưỡi, tụng ý thứ ba: làm Hóa thành. Văn trên lại có hai: 1. Một hàng rưỡi, tụng chánh làm hóa thành. “Các nhà cửa”: là các cảnh Không quán. “Vườn rừng”: rừng pháp vô lậu tổng trì của Nhị thừa. Cửu thứ đệ định là “sông ngòi”, bát giải là “ao tắm”. “Trùng môn” là Tam không môn. Lại, là Trùng Không Tam-muội, Tận Vô sinh trí, là “lầu gác cao”. “Nam nữ” là định tuệ.

Quán tâm giải thích: Trí thể đầy khắp như “thành hào”, thiện pháp viên mãn đầy đủ như thành ngoài bao vây quách. Tất cánh không là “nhà cửa”. Chân thiện năng thành tự hành, như “nam” tử năng gánh vác gia sự. Từ bi bên ngoài giáo hóa, như “nữ” thích hợp bên ngoài. 2. “Hóa ra thành đó rồi” trở xuống, một hàng, tụng thuyết hóa bên trên. 4. “Mọi người đã vào thành” trở xuống, một hàng, tụng vào thành. 3. “Đạo sư biết nghĩ xong” trở xuống, hai hàng rưỡi, tụng ý thứ ba: diệt Hóa thành đến Bảo sở. Trên văn có hai: 1. Một câu tụng ý thứ nhất: biết

ngỉ xong. 2. “Nhóm chúng mà bảo rằng” trở xuống, hai hàng một câu, tụng diệt Hóa thành dẫn đến Bảo sở.

Từ “Ta cũng lại như vậy” trở xuống, bảy hàng rưỡi, là phần thứ hai, tụng hợp hai thí dụ: 1. Nửa hàng, tụng hợp dụ thứ nhất: Năm trăm do tuần. 2. Bảy hàng, tụng hợp dụ thứ hai: dẫn dắt. Phần hợp dụ Năm trăm do tuần bên trên có bốn. Đây nửa hàng, tổng tụng mà thôi!

Từ “Thấy những người cầu đạo” trở xuống, hai hàng tụng hợp thí dụ biếng nhác thoái lui. Trong phần tụng Khai thí bên trên không tụng: giữa đường. Đây một hàng hợp giữa đường biếng nhác thoái lui. Tiếp một hàng, tụng tiếp dẫn người thoái lui, làm Hóa thành.

Từ “Đã biết đến Niết-bàn” trở xuống, năm hàng tụng hợp thí diệt Hóa thành đến Bảo sở. Văn trên hợp có hai ý. Đây tụng cũng có hai:

1. Nửa hàng tụng ý thứ nhất: biết ngỉ xong. 2. Từ “Giờ mới nhóm đại chúng” trở xuống, ba hàng rưỡi, tụng ý thứ hai hợp: diệt Hóa thành dẫn hướng Bảo sở. Trong phần kệ hợp diệt Hóa thành có nghĩa ba đức bí mật tạng: “Ông chứng nhất thiết trí” : Bát-nhã đức. “Đủ ba mươi hai tướng” : Pháp thân đức. “Mới là chân thật diệt” : Giải thoát đức. Ba pháp không dọc không ngang, tức là thấy Phật tánh. Từ “Chư Phật là đạo sư” trở xuống, một hàng, tụng thuận hợp.
